TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2021/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 8 - 2021
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đ Cảnh

Ông Hoàng Đắc Hân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu -Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 124/2021/QĐST-HGNĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T; nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện T, thành phố H; vắng mặt (Có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Tô Đình Q; nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Q kết hôn với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyên, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiên Hương, huyện T, thành phố H vào

ngày 17/01/1981, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống H thuận hạnh phúc đến năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không H H, bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường hay xảy ra cãi mắng nhau, xúc phạm lẫn nhau mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm nay mặc dù đã được hai bên gia đình H giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 1995 mỗi người một nơi không còn quan tâm nhau. Nay tuổi đã cao nhưng để thanh thản khi về già bà T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn ông Q.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Q có 03 con chung tên Tô Đình H, sinh năm 1981; Tô Đình H, sinh năm 1983 và Tô Đình Đ, sinh năm 1985 hiện nay các con chung đều đã trưởng thành có gia đình và có cuộc sống riêng ổn định không phụ thuộc gì vào bố mẹ, nên khi ly hôn bà T không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Tô Đình Q vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho ông Q biết việc bà T xin ly hôn, song ông Q không đến Tòa án trình bày quan điểm và cũng không có văn bản, giấy tờ nào gửi đến Tòa án trình bày ý kiến về việc bà T xin ly hôn. Tòa án đã tiến hành triệu tập và tống đạt H lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và H giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai ông Q vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Qua kết quả kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tham gia phiên tòa sơ thẩm. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; bị đơn ông Q chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình quy định tại Điều 70, 72 và Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội

đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Thị T tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Tô Đình Q; về quan hệ hôn nhân: Bà Trần thị T được ly hôn ông Tô Đình Q; về con chung: Bà T và ông Q có 03 con chung tên Tô Đình H, sinh năm 1981; Tô Đình H, sinh năm 1983 và Tô Đình Đ, sinh năm 1985 hiện nay các con chung đều đã trưởng thành có gia đình và có cuộc sống riêng ổn định không phụ thuộc gì vào bố mẹ, nên khi ly hôn bà T không đề nghị Tòa án giải quyết, nên kiểm sát viên không đề cập giải quyết; về tài sản chung: Bà T trình bày vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn ông Q vắng mặt chưa có ý kiến trình bày về tài sản chung, nên kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này; về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Nguyên đơn bà Trần Thị T vắng mặt, song có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Tô Đình Q đã được Tòa án triệu tập H lệ lần thứ 2 vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Bà T và ông Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã Thiên Hương, huyện T, thành phố H theo Giấy công nhận kết hôn số 03, ngày 17/01/1981 là hôn nhân H pháp. Tài liệu, chứng cứ thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không H H, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, do mâu thuẫn căng thẳng không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 1995 đến nay không còn quan tâm nhau, để giải phóng cho nhau bà T quyết tâm đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Q. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Q đến Tòa án để trình bày quan điểm về việc bà T xin ly hôn, song ông Q đều vằng mặt và cũng không có văn bản, tài liệu nào gửi đến Tòa án, tài liệu xác minh tại gia đình ông Q thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Q đã kéo dài từ năm 1995 không thể hàn gắn được, ông Q không muốn ly hôn nhưng lại không đến Tòa án trình bày quan điểm, Tòa án đã tiến hành tống đạt H lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và H giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai ông Q vẫn vắng mặt điều đó thể hiện ông Q không mong muốn H giải để vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử, xét: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Q đã

kéo dài nhiều năm, mục đích hôn nhân không đạt được và cho đến thời điểm hiện nay tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ với nhau được nữa, do vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, cho bà T được ly hôn ông Q.

[3] Về con chung

Bà T và ông Q có 03 con chung tên Tô Đình H, sinh năm 1981; Tô Đình H, sinh năm 1985 và Tô Đình Đ, sinh năm 1985 hiện nay các con chung đều đã trưởng thành có gia đình và có cuộc sống riêng ổn định không phụ thuộc gì vào bố mẹ, nên khi ly hôn bà T không đề nghị Tòa án giải quyết. Ông Q vắng mặt không có ý kiến gì về con chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung

Bà T trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn ông Q vắng mặt chưa có ý kiến trình bày về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí sơ thẩm

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Bà Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 92, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị T được ly hôn ông Tô Đình Q.

2. Về án phí: Bà Trần Thị T phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015925, ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T thành phố H. Bà Trần Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường H bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Thiên Hương, huyện T;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đ Cảnh **Hoàng Đắc Hân**

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đ Cảnh **Hoàng Đắc Hân**

Đinh Thị Mến

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Thủy Đường, huyện T;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Hoàng Đ Cảnh Doãn Văn Sáng	**Đinh Thị Mến**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Kỳ Sơn, huyện T;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mến

Đinh Thị Mến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Văn Đông Doãn Văn Sáng	**Lê Thị Sự**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện T,thành phố H;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

Lê Thị Sự